

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 01 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 562/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1988.

Cư trú tại: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh C. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần La D, sinh năm 1982.

Cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 và trong quá trình giải quyết và xét xử nguyên đơn chị Lê Thị Huỳnh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần La D chung sống vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau do anh D có tính ghen vô cớ, không tôn trọng chị lúc nào cũng buộc chị phải nghe lời, nên thường hay cãi nhau. Từ đó tình cảm giữa chị với anh D không còn gắn bó, thương yêu nhau và hiện vợ chồng đã ly thân với nhau hơn 01 năm.

Nay chị xác định không thể sống chung với anh D được nữa, nên yêu cầu được ly hôn với anh D .

Về nuôi con chung: Tên Trần Lê T , sinh ngày 14/3/2007, hiện con đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Trong quá trình giải quyết và xét xử bị đơn anh Trần La D trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, thời gian ly thân, có đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn không đúng theo chị N trình bày. Vợ chồng mâu thuẫn do chị N về nhà cha mẹ ruột sống, tôi qua rước về thì cha mẹ vợ ngăn cản, nên có xảy ra cự cãi. Nay chị N yêu cầu ly hôn, tôi không đồng ý vì tôi còn thương vợ và con.

Về nuôi con chung: Tên Trần Lê T , sinh ngày 14/3/2007, do chị N đang nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho tôi và chị N ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị N , anh D xác định không có.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Chị N , anh D xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân.* Chị Nhiên với anh Trần La D kết hôn vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2006 theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tại phiên tòa, chị Nhiên giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh D với. Anh D cho rằng vợ chồng chỉ mâu nhỏ, anh vẫn còn thương vợ con, nên không đồng ý ly hôn với chị Nhiên.

Xét thấy, trong quá trình chung sống chị N và anh D có phát sinh mâu thuẫn, do đó vào ngày 16/7/2018 chị có đơn ly hôn với anh D sau khi Tòa án hòa giải, ngày 17/8/2018 chị N rút đơn để vợ chồng về sống với nhau, nhưng anh D không thay đổi, mà có hành động đe dọa đánh, chém chị N , nên chị N phải nhà cha mẹ ruột sinh sống. Khi chị N về cha mẹ ruột sinh sống anh D không có quyết tâm hàn gắn quan hệ vợ chồng mà có hành vi không đúng mực đối với cha mẹ vợ, vụ việc đã được Công an viên ấp Cái Nai, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau lập Biên bản về việc gây rối mất trật tự an ninh vào ngày 30/9/2018. Cũng như hiện nay vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*”. Viện dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn với anh D .

[2] *Về nuôi con chung*: Tên Trần Lê T , sinh ngày 14/3/2007, đang sống cùng chị N . Khi ly hôn chị Nhiên và anh D đều có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*” viện dẫn từ điều luật trên, theo nguyện vọng của cháu Trần Lê T thể hiện tại văn bản ghi ý kiến ngày 19 tháng 12 năm 2018, cháu Trần Lê T có nguyện vọng ở với chị N . Ngoài ra, từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu T do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng ổn định và đang học lớp 6 tại Trường trung học cơ sở Hòa Tân. Để không làm ảnh hưởng việc học của cháu T , cũng như cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ nuôi dưỡng, giáo dục, đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần của cháu. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu T . Do đó, cần giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần La Đô có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị Nhiên không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[3] *Về tài sản chung và nợ người khác*: Chị N , anh D xác định không có.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 2 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 233, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Huỳnh N .

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Huỳnh N ly hôn với anh Trần La D .

2. Về nuôi con chung: Giao Trần Lê T , sinh ngày 14/3/2007 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Trần La D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008857 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Chị N, anh D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam